

Số: 05/2024/QĐST-HNGĐ

Thống Nhất, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 212/2024/TLST-VHNGĐ ngày 20/02/2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1980; CCCD số 083180016819 cấp ngày 20/8/2021.

Địa chỉ: **Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

2. Ông **Đỗ Vũ Đ**, sinh năm 1979; CCCD số 083079006896 cấp ngày 11/01/2023.

Địa chỉ: **Đ, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà **Nguyễn Thị K** và ông **Đỗ Vũ Đ** chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2000 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh **Bến Tre**. Căn cứ các Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống bà **K** và ông **Đ** đã để xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm nên đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022. Quá trình Tòa án giải quyết vụ việc bà **K** và ông **Đ** đều xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận ly hôn. Nhận thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà **K** và ông **Đ** phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị K và ông Đỗ Vũ Đ có 02 (hai) con chung là Đỗ Thị Bảo T, sinh ngày 20/7/2000 và cháu Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 02/12/2007. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao cháu Đỗ Thị Như Ý cho bà K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng của con. Riêng Đỗ Thị Bảo T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên bà K và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết mà sẽ tự thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung.

Nhận thấy, việc thỏa thuận nuôi con chung của bà K và ông Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, Tòa án ghi nhận việc nuôi dưỡng con chung theo thỏa thuận của các đương sự và tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà K và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Bà K và ông Đ mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự, tổng là 300.000 đồng, thống nhất tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà K và ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0007661 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; bà K và ông Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20/3/2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Đỗ Vũ Đ.

- *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 02/12/2007 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ do bà K không yêu cầu.

Riêng cháu Đỗ Thị Bảo T đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà K và ông Đ mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự, tổng là 300.000 đồng, thống nhất tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà K và ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0007661 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; bà K và ông Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND X. An Nhơn, H. Thạnh Phú, T. Bến Tre;
(Số ĐKKH 05, quyền số 01/2000 ngày 15/5/2000);
- Lưu hồ sơ việc dân sự; VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị Kiều Vân